

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH BÌNH ĐỊNH
Bản án số: 09/2023/HNGĐ-
ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày: 29/9/2023
“V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Đào.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Nhất
2. Ông Đặng Hữu Lập

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tín, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bạch Nam Chu Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành D, sinh năm: 1982, địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định – Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1987, địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2023, được bổ sung bằng lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Thành D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2011 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Sau kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm đầu, đến khi sinh cháu thứ 2 – cháu N (năm 2013) thì phát sinh mâu thuẫn trong vấn đề chăm sóc các con. Ông muốn vợ ở nhà chăm lo trực tiếp cho 02 con nhỏ, còn ông sẽ đi làm, cáng đáng kiếm tiền nuôi cả nhà, nhưng bà T không đồng ý. Khi cháu N được tầm 01 tuổi thì bà T nhất quyết đi làm lại, để con ở nhà cho bà nội (mẹ ông D) nuôi, ông khuyên không được, nên hai vợ chồng thường xuyên kình cãi. Từ năm 2018 cho đến nay, vợ chồng tự chủ

động sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nên nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn vợ ông là bà Nguyễn Thị Thanh T.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung, là các cháu: Nguyễn Thái H (sinh ngày: 11/6/2011) và Nguyễn Thành N1 (sinh ngày: 31/01/2013). Khi ly hôn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được trực tiếp nuôi 02 con, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông D không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về ý kiến giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông D, cho ông D được ly hôn bà T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông D, giao 02 cháu H, N1 cho ông D nuôi; Ông D không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông D khởi kiện yêu cầu: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với bà T; Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2]. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà T tiếp tục vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy ông D và bà T tự nguyện tìm hiểu, chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2011 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Từ năm 2013, xuất phát từ mâu thuẫn gia đình, đôi bên không thật sự thiện chí, không có giải pháp hữu hiệu để cứu vãn hôn nhân, dẫn đến vợ chồng sống ly thân kéo dài từ năm 2018 cho đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án liên hệ, thông báo, triệu tập, hòa giải để các bên đương sự có điều kiện đoàn tụ với nhau, bà T biết nhưng không thiện chí,

không hợp tác. Như vậy, có cơ sở chứng minh hôn nhân của ông **D** và bà **T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **D**.

[2.2]. Về con chung: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, xét nguyện vọng của các cháu **H**, **N1**, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông **D**, giao các cháu **H**, **N1** cho ông **D** nuôi; Ông **D** không yêu cầu bà **T** cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời đảm bảo theo luật định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với con chung, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông **D** không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Các Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Thành D** đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị Thanh T**, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Thành D** được ly hôn bà **Nguyễn Thị Thanh T**;

- Về con chung: Giao 02 cháu **Nguyễn Thái H** (sinh ngày: 11/6/2011) và **Nguyễn Thành N1** (sinh ngày: 31/01/2013) cho ông **D** được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông **D** không yêu cầu bà **T** cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Thành D không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006587 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bình Định.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Thành D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thanh T không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày bà T nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn; (UBND xã TĐ, TH, Kiên Giang).
- P.KTNV và THA - TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Đinh Thị Mai Đào

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Duy Nhất

Đặng Hữu Lập

Đinh Thị Mai Đào